TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/DS-ST
Ngày: 25-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;

2. Bà Nguyễn Thị Vân Khanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương-Thư ký Tòa án nhân dân thị xãDĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 326/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐXXST-DS ngày 11/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS ngày 30/10/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; trụ sở: Số 169 phố A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã D, khu trung tâm hành chính thị xã D, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Tiến S, sinh năm 1969; chúc vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án của Tổng giám đốc Ngân hàng C).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1977 và bà Lê Thị Thu L, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Số 26/60, khu phố E, phường G, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

(Ông Trương Tiến S có đơn xin giải quyết vắng mặt; ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng C đã cho ông Huỳnh Văn T vay vốn theo hai chương trình bằng hình thức tín chấp, có giấy ủy quyền nhận nợ của vợ ông T là bà Lê Thị Thu L, cụ thể như sau:

- Ngày 17/11/2015 cho vay số tiền 20.000.000 đồng, chương trình hộ cận nghèo, mục đích nuôi bò sữa, lãi suất 0.792%/tháng, trả lãi mỗi tháng, kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần, số tiền gốc trả nợ mỗi kì 6.600.000 đồng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 14/11/2018.

- Ngày 14/3/2018 cho vay số tiền 50.000.000 đồng, chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, mục đích nuôi bò sữa, lãi suất 6,6%/năm, trả lãi mỗi tháng, kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần, số tiền gốc trả nợ mỗi kì là 5.500.000 đồng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 14/3/2022.

Ngày 14/11/2018 ông Huỳnh Văn T đến hạn trả nợ gốc chương trình hộ cận nghèo số tiền 13.000.000 đồng; ngày 14/9/2018 và 14/3/2019 đến hạn trả nợ gốc 06 tháng 1 lần chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm số tiền 11.000.000 đồng nhưng hộ ông Huỳnh Văn T chưa trả nợ.

Theo thông tin từ tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn là ông Nguyễn Ngọc Kvà Hội nông dân phường G cho biết ông T đang vỡ nợ, không có ở địa phương, đang ở đâu không rõ, nhà chỉ còn vợ và các con ông T. Cán bộ ngân hàng đã trực tiếp đến nhà ông Huỳnh Văn T, hiện không còn nuôi bò sữa theo đề nghị vay vốn, vợ ông T là bà Lê Thị Thu L cam kết ngày 13/12/2018 sẽ trả hết món nợ quá hạn chương trình hộ cận nghèo số tiền 13.000.000 đồng và lãi phát sinh nhưng không thực hiện. Sau đó, Ủy ban nhân dân phường G đã mời bà Lê Thị Thu L đến làm việc về nợ quá hạn nhưng bà L vẫn không đến theo thư mời của Ủy ban nhân dân phường G.

Vì những lý do trên, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2019) là 64.889.181 đồng, trong đó:

- Chương trình hộ cận nghèo: Nợ gốc 13.000.000 đồng; lãi quá hạn 677.674 đồng (13.000.000 đồng x 0.792% x 130% x 12 tháng : 365 ngày x 154 ngày).

- Chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: Nợ gốc 50.000.000 đồng; lãi trong hạn: 1.211.507 đồng (50.000.000 đồng x 6.6% : 365 ngày x 134 ngày).

- *Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, viết bản tự khai vào ngày 23/9/2019; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 11/10/2019; tham gia phiên tòa ngày

30/10/2019 và 25/11/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L trả nợ theo hợp đồng tín dụng; ông T và bà L có nơi cư trú tại số 26/60, khu phố E, phường G, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trương Tiến S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Văn T và Lê Thị Thu L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Căn cứ Sổ vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, phiếu thẩm định tín dụng và giấy ủy quyền xác định: Ngân hàng C và ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Thu L có giao kết hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Chương trình cho vay hộ cận nghèo: Số tiền vay là 20.000.000 đồng, mục đích nuôi bò sữa; thời hạn vay 36 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/ lần với số tiền 6.600.000 đồng; lãi suất 0.792%/ tháng, trả lãi hàng tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/11/2018. Thực hiện hợp đồng, ngày 17/11/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn số tiền 20.000.000 đồng. Quá trình trả nợ, bị đơn thanh toán được tiền nợ gốc 7.000.000 đồng. Ngày 14/11/2018, do bị đơn không trả được nợ gốc còn lại nên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn số tiền 13.000.000 đồng.

- Chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: Số tiền vay là 50.000.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; mục đích nuôi bò sữa, lãi suất 6,6% năm; kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/lần, số tiền gốc trả nợ mỗi kì là 5.500.000

đồng; trả lãi mỗi tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 14/3/2022. Thực hiện hợp đồng, ngày 14/3/2018 Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn toàn bộ số tiền vay 50.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc vào ngày 14/9/2018 và 14/3/2019 nhưng bị đơn không thanh toán.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông T và bà L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản phô tô đơn khởi kiện và toàn bộ tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp; đồng thời bị đơn đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/11/2019 là 64.889.181 đồng (trong đó gồm: Chương trình hộ cận nghèo: Nợ gốc 13.000.000 đồng, lãi quá hạn: 677.674 đồng; chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: Nợ gốc 50.000.000 đồng; lãi trong hạn: 1.211.507 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L phải trả cho Ngân hàng C số tiền 64.889.181 đồng. Trong đó gồm: Chương trình hộ cận nghèo: Nợ gốc 13.000.000 đồng, lãi quá hạn: 677.674 đồng; chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: Nợ gốc 50.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.211.507 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 26/11/2019 cho đến khi ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa

thuận trong hợp đồng tín dụng (hợp đồng được thể hiện tại sổ vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, giấy đề nghị vay vốn).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Thu L phải chịu 3.244.000 đồng.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Trang